

Số: 01/2026/QĐST-LĐ

Hải Phòng, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Hạnh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thu Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 01/2025/TLST-LĐ ngày 18/12/2025 về việc “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-LĐ ngày 30/12/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường N, thành phố Hải Phòng.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Công ty TNHH Đ; Địa chỉ: Khu công nghiệp N, xã P, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHI CHIEN YU – Giám đốc

+ Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở K.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị T – Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quang Á – Phó Giám đốc
Địa chỉ: Số G đường B, phường K, Tp Hải Phòng.

Đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và trong quá trình tố tụng, người yêu cầu là chị Hoàng Thị V trình bày: Năm 2013, em gái chị là Hoàng Thị A, sinh ngày 08/01/1997 có nhu cầu đi làm công ty. Nhưng do lúc đó chị A chưa đủ tuổi để đi làm nên chị A đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị là Hoàng Thị V để đi làm công ty. Ngày 07/3/2013, chị A và Công ty TNHH Đ đã tiến hành giao kết Hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P dưới tên Hoàng Thị V, sinh ngày 08/3/1993 theo số Chứng minh thư nhân dân A1; ngày cấp 15/5/2008 (là thông tin cá nhân của tôi – Hoàng Thị V) với thời hạn là 12 tháng,

có hiệu lực từ ngày 07/3/2013; nơi làm việc: Phân khu P, KCN P, huyện K, tỉnh Hải Dương; vị trí làm việc: Công nhân sản xuất linh kiện điện tử.

Ngày 08/3/2013, chị A đã tiến hành khai tham gia Tờ khai tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mã số 3013034764 để tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định với thông tin của chị là Hoàng Thị V và đã được cấp Sổ Bảo hiểm xã hội số 3013034764. Ngày 09/11/2013, Hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P ngày 07/3/2013 trên giữa Công ty Đ và chị A (dưới thông tin của chị là Hoàng Thị V) đã chấm dứt theo Quyết định của Phó Tổng Giám đốc v/v Chấm dứt hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P. Công ty Đ đã hoàn tất các thủ tục để chấm dứt hợp đồng lao động, trả lương thưởng, đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định, trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội số 3013034764 cho chị A.

Nay chị xác định, việc chị A sử dụng thông tin của chị (họ và tên, ngày tháng năm sinh, chứng minh thư nhân dân) để tiến hành giao kết Hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P với Công ty Đ là trái với quy định của pháp luật về lao động. Do vậy, chị đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số V1301442/2013 HDLD-P được giao kết giữa chị Hoàng Thị A và Công ty TNHH Đ vô hiệu và trả lại thời gian đóng bảo hiểm theo sổ số 3013034764 về cho chị Hoàng Thị A. Chị xác định mục đích để cho chị A đứng tên chị ký hợp đồng lao động với Công ty chị không có mục đích trục lợi hay mục đích gì khác. Chị yêu cầu Tòa án xem xét điều chỉnh tên người đóng bảo hiểm và thời gian đóng bảo hiểm cho chị và chị A. Vì công việc bận nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị A trình bày: Năm 2013, chị có nhu cầu đi làm công ty. Nhưng do lúc đó chị chưa đủ tuổi để đi làm nên chị đã mượn chứng minh thư nhân dân của chị gái chị là Hoàng Thị V, sinh ngày 08/3/1993 để đi làm công ty. Ngày 03/7/2013, chị và Công ty TNHH Đ đã tiến hành giao kết Hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P dưới tên Hoàng Thị V, sinh ngày 08/3/1993 theo số Chứng minh thư nhân dân A1; ngày cấp 15/5/2008 (là thông tin cá nhân của chị gái chị – Hoàng Thị V) với thời hạn là 12 tháng, có hiệu lực từ ngày 03/7/2013; nơi làm việc: Phân khu P, KCN P, huyện K, tỉnh Hải Dương; vị trí làm việc: Công nhân sản xuất linh kiện điện tử (hiện nay chị không thể cung cấp Hợp đồng trên cho Tòa án để giải quyết vụ việc). Ngày 08/3/2013, chị đã tiến hành khai tham gia Tờ khai tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mã số 3013034764 để tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định với thông tin của chị gái chị là Hoàng Thị V và đã được cấp Sổ Bảo hiểm xã hội số 3013034764. Ngày 09/11/2013, Hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P ngày 07/3/2013 trên giữa Công ty Đ và chị (dưới thông tin của chị gái chị là Hoàng Thị V) đã chấm dứt theo Quyết định của Phó Tổng Giám đốc v/v Chấm dứt hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P. Công ty Đ đã hoàn tất các thủ tục để chấm dứt hợp đồng lao động, trả lương thưởng, đóng bảo hiểm xã hội

theo đúng quy định, trả lại Sổ Bảo hiểm xã hội số 3013034764 cho chị. Sau đó chị đi làm nhiều công ty khác nhau nhưng chị không nhớ, hiện tại chị đang làm công ty TNHH N từ tháng 3 năm 2025 đến nay. Nay chị xác định, việc chị sử dụng thông tin của chị gái chị (họ và tên, ngày tháng năm sinh, chứng minh thư nhân dân) để tiến hành giao kết Hợp đồng lao động số V1301442/2012/HDLD-P với Công ty Đ là trái với quy định của pháp luật về lao động. Do vậy, chị đồng ý với yêu cầu của chị gái chị là Hoàng Thị V đề nghị Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động số V1301442/2013 HDLD-P được giao kết giữa chị Hoàng Thị A và Công ty TNHH Đ vô hiệu và trả lại thời gian đóng bảo hiểm theo sổ số 3013034764 về cho chị Hoàng Thị A. Đề nghị Toà án xem xét để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị theo quy định của pháp luật. Chị xác định thời gian đóng bảo hiểm của chị V bị trùng là từ tháng 3/2013 đến tháng 10/2013 (tức là thời điểm chị V đóng bảo hiểm ở công ty S, địa chỉ: KCN Nomura H thì chị mượn chứng minh thư nhân dân của chị V cũng đóng bảo hiểm tại công ty Đ dưới tên của chị V). Khi ký hợp đồng lao động chị không lường trước được sự việc rắc rối về sau này. Nay chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Vì công việc bận nên chị đề nghị Toà án cho chị xin vắng mặt tại phiên họp, chị không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của chị V và điều chỉnh thời gian về cho chị theo sổ số bảo hiểm số 3015037663

Người đại diện theo uỷ quyền của Bảo hiểm xã hội cơ sở Kinh Môn ông Nguyễn Quang Á trình bày: Theo dữ liệu sổ BHXH đã xác nhận quá trình và trên phần mềm TST của B thể hiện quá trình tham gia BHXH của hồ sơ cá nhân mang tên bà Hoàng Thị V, sinh ngày 08/03/1993, số chứng minh thư nhân dân 142642114, số CCCD hiện nay 030193012451, Địa chỉ: H, K, Hải Dương này là Tổ dân phố H, phường N, thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau: - Mã số BHXH 3013034764 mang tên Hoàng Thị V sinh ngày 08/03/1993 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 03/2013 đến tháng 10/2013; chức danh Công nhân sản xuất linh kiện điện tử tại Công ty TNHH Đ. - Mã số 3111003441 mang tên Hoàng Thị V sinh ngày 08/03/1993 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 09/2011 đến tháng 11/2016; chức danh Công nhân sản xuất điện tử tại Công ty TNHH S. Theo dữ liệu trên thì bà V tham gia BHXH có thời gian trùng 08 tháng (từ tháng 3/2013 đến tháng 10/2013) tại 2 công ty là Công ty TNHH Đ và Công ty TNHH S. Cũng theo đơn trình bày của bà V về việc cho mượn hồ sơ để đi làm, bà V đã cho bà Hoàng Thị A (là em gái ruột) mượn thông tin cá nhân của mình để đi làm tại Công ty TNHH Đ từ tháng 03/2013 đến tháng 10/2023. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Luật lao động đây là trường hợp, hợp đồng lao động vô hiệu. Để đảm bảo quyền lợi cho người tham gia, BHXH cơ sở K đề nghị Toà án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng giải quyết theo nội dung công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động. Vì đặc thù công việc bận nên ông đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt tại phiên họp.

Người đại diện của Công ty TNHH Đ trình bày: Ngày 07/3/2013 công ty ký kết hợp đồng lao động số V1301442 với người có thông tin Hoàng Thị V – sinh ngày 08/3/1993, theo số chứng minh thư nhân dân 142642114 cấp ngày 15/5/ 2008 với thời hạn 12 tháng có hiệu lực từ ngày 03/7/2013, nơi làm việc: phân khu phía tây KCN P, vị trí làm việc: Công nhân sản xuất linh kiện điện tử. Ngoài ra trong hợp đồng lao động cũng quy định cụ thể về chế độ tiền lương, bảo hiểm, các chế độ đãi ngộ, quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Công ty đã thực hiện các thoả thuận trong hợp đồng, công ty đã kê khai và đóng bảo hiểm xã hội theo mã số 3013034764. Thời điểm giao kết hợp đồng lao động xác định giữa công ty và chị Hoàng Thị V tự nguyện giao kết, không bị ép buộc. Ngày 09/11/2013 chị V chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân, công ty đã hoàn tất các thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động và nghĩa vụ với người lao động theo quy định. Việc chị A mượn chứng minh thư của chị Hoàng Thị V để làm tại công ty thì công ty không nắm được do chị A dấu thông tin, thời điểm đó công ty chưa có thiết bị để kiểm tra thông tin của người lao động nên phía công ty không nắm được cụ thể nên đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của chương XXIII Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung:

Căn cứ vào các Điều 122, 127, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 122, 127 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 29 của Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006; Điều 52 của Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15, 50, 51 của Bộ luật lao động năm 2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Hoàng Thị V

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động tên Hoàng Thị V và Công ty TNHH Đ trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 10/2023 là vô hiệu.

Chị V và chị A có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền để điều chỉnh về BHXH cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án, cụ thể: Điều chỉnh họ tên, ngày, tháng, năm sinh, thời gian và số tiền đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian chị Hoàng Thị A lao động tại Công ty TNHH Đ từ tháng 3/2013

đến tháng 10/2013 theo sổ sổ BHXH 3013034764 mang tên chị Hoàng Thị V sang cho chị Hoàng Thị A theo sổ sổ BHXH 3015037663

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Hoàng Thị V phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH Đ và người lao động bà Hoàng Thị V (do bà A mượn hồ sơ) có xác nhận quan hệ lao động. Thời điểm ký kết hợp đồng lao động công ty có trụ sở tại KCN P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương (Nay là xã P, thành phố Hải Phòng) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp vắng mặt người yêu cầu, những người có quyền lợi liên quan nhưng đều đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy Toà án vẫn tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1997; Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Hải Phòng có mượn chứng minh nhân dân của chị Hoàng Thị V và chị A đứng tên chị V ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ. Theo cung cấp của Công ty TNHH Đ thì Công ty và chị V ký hợp đồng với nhau vào ngày 07/3/2013 với thời hạn 12 tháng. Tuy nhiên đến ngày 09/11/2013 thì hai bên chấm dứt hợp đồng lao động. Việc chị A mượn hồ sơ tên chị V để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ là giả mạo khi giao kết hợp đồng nên đề nghị của chị V về việc đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động đã giữa Công ty TNHH Đ và chị Hoàng Thị V (do chị A mượn chứng minh thư nhân dân để ký hợp đồng) là vô hiệu là phù hợp pháp luật.

[2.2] Chị Hoàng Thị V cho chị Hoàng Thị A mượn Chứng minh nhân dân số 142642114 mang tên Hoàng Thị V để xác lập hợp đồng lao động từ ngày 07/3/2013 đến ngày 10/2013 và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3/2013 đến ngày 10/2013 tại Công ty TNHH Đ theo sổ BHXH số 3013034764 (Chị A khi đó 16 tuổi, chưa đủ tuổi lao động và không có người đại diện). Chị V cũng lao động và tham gia đóng BHXH theo sổ sổ bảo hiểm 3111003441 mang tên Hoàng Thị V sinh ngày 08/03/1993 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 09/2011 đến tháng 11/2016; chức danh Công nhân sản xuất điện tử tại Công ty TNHH S. Do vậy Toà án xác định chị Hoàng Thị V có chứng minh thư nhân dân số 142642114 có duy nhất 01 sổ bảo hiểm xã hội số 3111003441 do chị V nộp trong quá trình lao động tại Công ty TNHH S là phù hợp. Do vậy yêu cầu của chị V đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2.3] Việc chị Hoàng Thị A mượn hồ sơ tên chị Hoàng Thị V để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Đ là không trung thực khi giao kết hợp đồng, tuy nhiên việc không trung thực khi giao kết hợp đồng của chị A là do thiếu hiểu biết pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng thì pháp luật áp dụng là Bộ luật lao động năm 1994 được sửa đổi, bổ sung năm 2002 và 2006, 2007 không quy định trường hợp hợp đồng vô hiệu. Trên thực tế chị A thực sự có đi làm, có hưởng lương và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đã được thụ hưởng các chế độ BHXH, BHYT như chi trả chế độ ốm đau, khám, chữa bệnh, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định. Ngoài những thông tin về cá nhân của người lao động ghi trong hợp đồng lao động thì các thông tin còn lại đều phù hợp với quy định của pháp luật và được các bên giao kết hợp đồng (người lao động và người sử dụng lao động) thực hiện đầy đủ. Tuy nhiên các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Hoàng Thị V là người yêu cầu nên phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 122, 127, 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 117, 122, 127 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 29 của Bộ luật lao động năm 1994 sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006; Điều 52 của Bộ luật lao động năm 2012; các Điều 15, 50, 51 của Bộ luật lao động năm 2019;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Hoàng Thị V

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động tên Hoàng Thị V và Công ty TNHH Đ trong thời gian từ tháng 3 năm 2013 đến tháng 10 năm 2013 là vô hiệu.

- Chị V và chị A có quyền liên hệ với cơ quan bảo hiểm có thẩm quyền để điều chỉnh về bảo hiểm xã hội cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án, cụ thể: Điều chỉnh họ tên, năm sinh, thời gian và số tiền đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian chị Hoàng Thị A lao động tại Công ty TNHH Đ từ tháng 3 năm 2013 đến tháng 10 năm 2013 theo sổ bảo hiểm xã hội số 3013034764 mang tên chị Hoàng Thị V sang cho chị Hoàng Thị A theo sổ sổ bảo hiểm 3015037663.

- Về lệ phí: Chị Hoàng Thị V phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số

0007936 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về nộp lệ phí.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 – Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 10 – Hải Phòng;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Hạnh